

Số: /2026/TT-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định về phân công, phân cấp trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước
tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng**

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 57/2026/NĐ-CP của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 181/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư phân công, phân cấp trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này phân công, phân cấp thực hiện quyền, trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong:

1. Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ quản lý và đầu tư vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp do Bộ Quốc phòng là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

4. Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn nhà nước do Bộ Quốc phòng là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân khác có liên quan trong thực hiện quyền, trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bộ Quốc phòng thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu như sau:

a) Trực tiếp thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với một số doanh nghiệp có vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp trực thuộc Bộ);

b) Phân cấp cho các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với một số doanh nghiệp có vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp trực thuộc đơn vị);

c) Phân công cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng tham mưu giúp Bộ Quốc phòng thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Chủ tịch công ty, người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện quyền, trách nhiệm trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp và Quy định của Quân ủy Trung ương về phân cấp quản lý cán bộ, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương II NỘI DUNG PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP

Điều 4. Quyền, trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các nội dung:

a) Quyết định đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà

nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật số 68/2025/QH15;

b) Quyết định chủ trương về mức vốn nhà nước đầu tư để thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Quyết định đầu tư vốn để góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp tại doanh nghiệp chưa có vốn nhà nước sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật số 68/2025/QH15;

d) Quyết định chủ trương về mức vốn đầu tư để góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp tại doanh nghiệp chưa có vốn nhà nước và không thuộc các trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

đ) Quyết định đầu tư vốn để bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật số 68/2025/QH15;

e) Quyết định chủ trương về mức vốn đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế được để lại; từ nguồn ngân sách nhà nước có giá trị từ 5.000 tỷ đồng trở lên, trừ các trường hợp quy định tại điểm đ khoản này;

g) Quyết định giao nhiệm vụ và một số chỉ tiêu cơ bản đối với chiến lược phát triển của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội; chấp thuận về nội dung điều lệ của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội; quyết định chủ trương giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội;

h) Chấp thuận về phạm vi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo thẩm quyền quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 7 Điều 6; điểm d khoản 1 Điều 9; khoản 2 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định 366/2025/NĐ-CP;

i) Quyết định đầu tư vốn để bổ sung vốn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật số 68/2025/QH15;

k) Quyết định chủ trương về mức vốn đầu tư để bổ sung vốn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ nguồn lợi nhuận sau thuế được để lại; từ nguồn ngân sách nhà nước để bảo đảm tỷ lệ sở hữu nhà nước; từ nguồn ngân sách nhà nước có giá trị từ 5.000 tỷ đồng trở lên và không thuộc đối tượng quy định tại điểm i khoản này;

l) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể doanh nghiệp, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong các trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ;

m) Quyết định chuyển giao đối với các trường hợp chuyển giao dự án đầu tư, vốn, tài sản, chuyển giao đơn vị sự nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 93 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP.

2. Quyết định các nội dung đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, cụ thể:

a) Quyết định đầu tư vốn nhà nước và quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương về mức vốn đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Quyết định đầu tư vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp tại doanh nghiệp chưa có vốn nhà nước sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Quyết định, chấp thuận các nội dung quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, cụ thể:

a) Đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư quy định tại điểm e khoản 1 Điều này; quyết định chủ trương giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trừ Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội;

b) Quyết định các trường hợp đầu tư bổ sung vốn khác, trừ trường hợp quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 9 Thông tư này;

c) Quyết định giao nhiệm vụ và một số chỉ tiêu cơ bản đối với chiến lược phát triển của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trừ Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội;

d) Quyết định giao chỉ tiêu định hướng để các doanh nghiệp trực thuộc Bộ xây dựng, ban hành kế hoạch kinh doanh hằng năm;

đ) Có ý kiến chấp thuận về nội dung điều lệ của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trừ Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội;

e) Có ý kiến chấp thuận về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hằng năm và tỷ lệ trích Quỹ đầu tư phát triển đối với doanh nghiệp trực thuộc Bộ;

g) Ban hành quy chế hoạt động của kiểm soát viên tại các doanh nghiệp trực thuộc Bộ;

h) Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định của pháp luật về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ. Hằng năm, cho ý kiến và thông báo để doanh nghiệp chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp trực thuộc Bộ;

i) Phê duyệt phương án cho vay vốn và giám sát phương án huy động vốn của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư này;

k) Phê duyệt bằng văn bản về mục đích, mức vốn đầu tư, nguồn vốn, thời gian thực hiện dự án đầu tư, khoản đầu tư của doanh nghiệp có giá trị lớn hơn quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 Thông tư này;

l) Chấp thuận phương án mua, thuê mua, bán tài sản cố định của doanh nghiệp có giá trị lớn hơn quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 Thông tư này;

m) Phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, vốn đầu tư của doanh nghiệp trong hợp đồng hợp tác kinh doanh có giá trị lớn hơn quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 Thông tư này;

n) Phê duyệt phương án chuyển nhượng dự án đầu tư có giá trị lớn hơn quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 9 Thông tư này.

4. Quyết định đầu tư vốn nhà nước để bổ sung vốn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, cụ thể:

a) Quyết định đầu tư để bổ sung vốn từ nguồn ngân sách nhà nước sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều này;

b) Quyết định đầu tư để bổ sung vốn không thuộc điểm i, điểm k khoản 1 Điều này.

5. Đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý:

a) Có ý kiến đề người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật số 68/2025/QH15; khoản 3 Điều 13 và khoản 3 Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP;

b) Chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật số 68/2025/QH15 và khoản 6 Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP;

c) Ban hành quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

d) Chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có ý kiến để xây dựng kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật số 68/2025/QH15 và khoản 2 Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP;

đ) Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định của pháp luật về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ.

6. Chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 37 Nghị định 366/2025/NĐ-CP.

7. Quyết định các nội dung giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cụ thể:

a) Báo cáo Bộ Tài chính kết quả giám sát, kiểm tra về hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Phân loại doanh nghiệp để đánh giá, xếp loại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP và giao các chỉ tiêu cơ

bản để đánh giá, xếp loại doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc Bộ;

c) Giao chỉ tiêu và nhiệm vụ đối với Chủ tịch công ty, người đại diện vốn nhà nước và Kiểm soát viên tại doanh nghiệp trực thuộc Bộ;

d) Giám sát, kiểm tra doanh nghiệp nhà nước, Chủ tịch công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trực thuộc Bộ;

đ) Đánh giá và quyết định xếp loại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp;

e) Đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ đối với doanh nghiệp trực thuộc Bộ;

g) Đánh giá người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ trực thuộc Bộ.

h) Công khai thông tin của chủ sở hữu.

8. Quyết định các nội dung về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, cụ thể:

a) Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Chuyển giao dự án đầu tư, vốn, tài sản giữa các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; chuyển giao vốn, tài sản của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn về Bộ Quốc phòng; chuyển giao đơn vị sự nghiệp thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ về Bộ Quốc phòng;

c) Thực hiện hoặc chuyển giao quyền mua cổ phần, quyền ưu tiên mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp giữa Bộ Quốc phòng và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

d) Phê duyệt hồ sơ hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể doanh nghiệp, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

9. Quyết định các nội dung:

a) Có ý kiến trong việc tiếp nhận tài sản công tính thành phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 33 nghị định số 366/2025/NĐ-CP;

b) Chấp thuận bằng văn bản việc bán tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

10. Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Điều 5. Quyền, trách nhiệm của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng và Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Báo cáo, đề nghị Bộ Quốc phòng quyết định các nội dung thuộc quyền, trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, bao gồm: Khoản 1 và khoản 2 Điều 4; điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ, điểm i, điểm k, điểm l, điểm m và điểm n khoản 3 Điều 4; khoản 4 Điều 5; điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 5 Điều 4; khoản 6 Điều 4; điểm a, điểm đ và điểm h khoản 7 Điều 4; khoản 8 và khoản 9 Điều 4 Thông tư này.

2. Quyết định các nội dung được quy định tại: Điểm d, điểm e điểm g và điểm h khoản 3 Điều 4; điểm đ khoản 5 Điều 4; điểm b, điểm c, điểm d, điểm e và điểm g khoản 7 Điều 4 Thông tư này đối với doanh nghiệp trực thuộc đơn vị.

3. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ được giao trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao năm trước về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính) trước ngày 31 tháng 5 hằng năm.

Điều 6. Quyền, trách nhiệm của Cục Tài chính Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu giúp Bộ Quốc phòng thực hiện quyền, trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Giám sát, kiểm tra đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, doanh nghiệp nhà nước, Chủ tịch công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp về thực hiện quyền, trách nhiệm trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 7. Quyền, trách nhiệm của Cục Quân lực Bộ Tổng Tham mưu

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Bộ Tổng Tham mưu trình Bộ Quốc phòng:

1. Quyết định thành lập doanh nghiệp sau khi có quyết định đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

2. Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể doanh nghiệp; chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp; chuyển giao đơn vị sự nghiệp thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

3. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 8. Quyền, trách nhiệm của Cục Cán bộ Tổng cục Chính trị

Chủ trì tham mưu, đề xuất, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác cán bộ đối với doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng theo quy định.

Điều 9. Quyền, trách nhiệm của Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Quyết định đầu tư vốn nhà nước để bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ từ các nguồn sau:

- a) Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- b) Lợi nhuận sau thuế được để lại sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư quy định tại điểm e khoản 1 Điều 4 Thông tư này;
- c) Tài sản công là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước đã xác định đối tượng thụ hưởng và được tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;
- d) Chênh lệch tăng thêm do đánh giá lại tài sản cho mục đích tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ban hành điều lệ, sửa đổi điều lệ sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Quốc phòng (của Thủ tướng Chính phủ đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội); ban hành quy chế tài chính, quy chế quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định, quy chế nội bộ, quy chế tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp và quy chế quản lý sử dụng các quỹ để áp dụng trong nội bộ doanh nghiệp.

3. Ban hành, điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp; phê duyệt kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp.

4. Quyết định phương án huy động vốn theo nguyên tắc tự vay, tự trả theo quy định của pháp luật, bảo đảm khả năng thanh toán nợ; quyết định bảo lãnh cho công ty do doanh nghiệp nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn tại các tổ chức tín dụng bảo đảm tổng giá trị các khoản bảo lãnh không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm bảo lãnh; quyết định cho công ty do doanh nghiệp nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn, bảo đảm tổng giá trị các khoản cho vay đối với từng công ty không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm cho vay.

Trường hợp tổng giá trị các khoản cho vay đối với từng công ty vượt quá giá trị vốn góp thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm cho vay thì báo cáo Bộ Quốc phòng (đối với doanh nghiệp trực thuộc Bộ), đơn vị cấp trên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp thuộc đơn vị) xem xét, phê duyệt.

Trường hợp huy động vốn dẫn đến tổng số nợ phải trả bao gồm các khoản bảo lãnh đối với công ty do doanh nghiệp nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn thì báo cáo Bộ Quốc phòng (đối với doanh nghiệp trực thuộc Bộ) và đơn vị cấp trên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp thuộc đơn vị) sau khi phê duyệt phương án huy động vốn để giám sát theo quy định.

5. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp, chuyển nhượng dự án đầu tư, thuê mua, mua, bán tài sản cố định của doanh nghiệp, cụ thể:

a) Quyết định đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư có mức vốn đầu tư không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 15.000 tỷ đồng đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội hoặc không quá 5.000 tỷ đồng đối với doanh nghiệp khác. Riêng mức vốn đầu tư của dự án đầu tư, khoản đầu tư ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 103/2026/NĐ-CP.

Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm đầu tư. Trường hợp dự án đầu tư, khoản đầu tư có giá trị lớn hơn mức nêu trên, Chủ tịch công ty quyết định đầu tư sau khi được Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt bằng văn bản về mục đích, mức vốn đầu tư, nguồn vốn, thời gian thực hiện.

b) Đối với các dự án đầu tư sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công; dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật có liên quan; dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương theo quy định của pháp luật đầu tư nhưng không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật số 68/2025/QH15, khoản 1 Điều 24 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

c) Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 15.000 tỷ đồng đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội hoặc không quá 5.000 tỷ đồng đối với doanh nghiệp khác. Giá trị tài sản được xác định theo giá mua, thuê mua đối với trường hợp mua, thuê mua tài sản cố định hoặc giá trị còn lại theo sổ sách đối với trường hợp bán tài sản cố định.

Phương án mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn quy định nêu trên, Chủ tịch công ty báo cáo Bộ Quốc phòng (đối với doanh nghiệp trực thuộc Bộ), đơn vị cấp trên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp thuộc đơn vị) để có ý kiến chấp thuận trước khi quyết định.

Doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh khi bán tài sản trực tiếp phục vụ các nhiệm vụ này phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Quốc phòng.

d) Quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, vốn đầu tư của doanh nghiệp trong hợp đồng hợp tác kinh doanh có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 15.000 tỷ đồng

đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội hoặc không quá 5.000 tỷ đồng đối với doanh nghiệp khác. Chủ tịch công ty phân cấp cho Tổng giám đốc hoặc giám đốc quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp theo quy định tại điều lệ hoặc quy chế tài chính của doanh nghiệp.

Trường hợp giá trị lớn hơn mức này, Chủ tịch công ty báo cáo Bộ Quốc phòng (đối với doanh nghiệp trực thuộc Bộ), đơn vị cấp trên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp thuộc đơn vị) phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn trước khi quyết định chuyển nhượng.

Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định chuyển nhượng. Giá trị vốn đầu tư được xác định theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được theo quy định về xây dựng phương án chuyển nhượng vốn tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

đ) Quyết định chuyển nhượng dự án đầu tư có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 15.000 tỷ đồng đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội hoặc không quá 5.000 tỷ đồng đối với doanh nghiệp khác.

6. Đề xuất với Bộ Quốc phòng (đối với doanh nghiệp trực thuộc Bộ), đơn vị cấp trên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp thuộc đơn vị) phương án phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp hằng năm. Quyết định sau khi phương án được chấp thuận.

7. Cho ý kiến đề người đại diện phần vốn của doanh nghiệp biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, trong đó có các nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

8. Hằng năm, quyết định mức tiền lương năm trước của Chủ tịch công ty trước ngày 15 tháng 4, mức tiền thưởng trước ngày 30 tháng 6; xác định và báo cáo Bộ Quốc phòng (đối với doanh nghiệp trực thuộc Bộ), đơn vị cấp trên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp thuộc đơn vị) (đồng thời gửi Bộ Nội vụ để theo dõi, giám sát chung) mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm trước của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên cùng thời điểm quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch công ty.

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày quyết định mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch công ty thì gửi báo cáo về Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và đơn vị cấp trên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp thuộc đơn vị) để giám sát, kiểm tra.

9. Quản lý công ty do doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai

thành viên trở lên theo quy định tại Điều 23 Luật số 68/2025/QH15 và Điều 30 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

10. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm của doanh nghiệp.

11. Ban hành quy chế hoạt động và quản lý, sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp tại nước ngoài.

12. Ban hành quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn doanh nghiệp.

13. Quản lý, điều hành doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của Bộ Quốc phòng.

14. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng chính phủ, Bộ Quốc phòng trong quản lý, bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp và các trách nhiệm sau:

a) Báo cáo kịp thời cơ quan đại diện chủ sở hữu khi doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác;

b) Báo cáo định kỳ hằng năm về tiến độ thực hiện đối với dự án đang trong quá trình đầu tư tại nước ngoài; báo cáo về hiệu quả đầu tư đối với dự án đang hoạt động tại nước ngoài; báo cáo kịp thời và đề xuất giải pháp với Bộ Quốc phòng trong trường hợp phát sinh vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp;

c) Chỉ đạo doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm báo cáo Bộ Quốc phòng đối với các nội dung được phân cấp tại Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, phù hợp với khoản 1 Điều 54 Luật số 68/2025/QH15; chịu sự giám sát của Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

d) Quản lý và sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

15. Không được tiếp tục làm người đại diện chủ sở hữu trực tiếp khi không còn đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định pháp luật, hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, hoặc bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc trong trường hợp có dấu hiệu bất thường về tình hình hoạt động của doanh nghiệp có nguy cơ ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

16. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của doanh nghiệp.

17. Chỉ đạo doanh nghiệp nhà nước lập, gửi báo cáo Bộ Quốc phòng và đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng được giao quản lý doanh nghiệp các báo cáo: kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng quý bao gồm các dự án đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của doanh nghiệp, các vấn đề phát sinh tác động

đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, kết quả giám sát nội bộ hằng quý trước ngày 20 của tháng đầu quý sau; báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp trước ngày 30 tháng 4 hằng năm.

18. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, Điều lệ công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ

1. Đề nghị đơn vị trực thuộc Bộ được giao quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho ý kiến, chỉ đạo các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư này.

2. Chỉ đạo doanh nghiệp nhà nước lập, gửi báo cáo Bộ Quốc phòng và đơn vị cấp trên doanh nghiệp các báo cáo: Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng quý bao gồm các dự án đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của doanh nghiệp, các vấn đề phát sinh tác động đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, kết quả giám sát nội bộ hằng quý trước ngày 20 của tháng đầu quý sau; báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp trước ngày 30 tháng 4 hằng năm; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

3. Báo cáo mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị về Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và đơn vị cấp trên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp thuộc đơn vị trực thuộc Bộ) để giám sát, kiểm tra.

4. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, Điều lệ công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền, trách nhiệm của Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

1. Đề nghị đơn vị trực thuộc Bộ được giao quản lý phần vốn (trường hợp trực thuộc Bộ thì đề nghị Cục Tài chính/BQP) trình Bộ Quốc phòng chỉ đạo các nội dung theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư này.

2. Báo cáo Bộ Quốc phòng và đơn vị trực thuộc Bộ được giao quản lý phần vốn tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp trước ngày 30 tháng 4 hằng năm.

3. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, Điều lệ công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Thông tư số 157/2019/TT-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Quốc phòng quyết định thành lập hoặc được giao quản lý hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này có sự thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung phải áp dụng theo văn bản đã được thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi bổ sung của cấp có thẩm quyền.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao tại Thông tư này thực hiện quyền và trách nhiệm của Bộ Quốc phòng theo quy định.
2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch công ty của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Bộ Quốc phòng;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng;
- Cổng thông tin điện tử/BQP;
- Lưu: VT, THBĐ. Phong 130.

Thượng tướng Nguyễn Quang Ngọc